

Số: 23/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 9009/TTr-STP-KTrVB ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn thẩm định tại Báo cáo số 9007/BC-HĐTVTĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: các PCVP;
- Trung tâm Công báo;
- Trang thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (NCPC/Kh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Ngọc Hải

QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại tổ chức trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán khác không phải của Việt Nam (sau đây gọi là trọng tài quốc tế). Quy chế này không áp dụng đối với các việc giải quyết khiếu kiện về đầu tư được giải quyết tại trọng tài, tòa án hoặc cơ quan, tổ chức của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các tổ chức trọng tài quốc tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tranh chấp đầu tư quốc tế* là tranh chấp phát sinh từ việc nhà đầu tư nước ngoài kiện Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, theo một trong các trường hợp sau:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế.

2. *Nhà đầu tư nước ngoài* là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về nhà đầu tư nước ngoài theo hiệp định đầu tư liên quan mà Việt Nam là thành viên.

3. *Cơ quan đầu mối* là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì, được xác định tại Điều 6 Quy chế này, theo một trong các trường hợp sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg.

b) Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Nhà đầu tư nước ngoài đồng thời khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. *Cơ quan chủ trì* là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có biện pháp bị nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện, được xác định theo các nguyên tắc tại Điều 5 Quy chế này và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 7 Quy chế này.

5. *Cơ quan đại diện pháp lý* cho Ủy ban nhân dân Thành phố là Sở Tư pháp, có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 8 Quy chế này.

6. *Biện pháp bị kiện* là việc làm, quyết định hoặc biện pháp của cơ quan nhà nước mà nhà đầu tư nước ngoài cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận.

7. *Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan* là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được cơ quan chủ trì mời hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

8. *Tổ Công tác liên ngành* là tổ công tác do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập để tư vấn, phối hợp với cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối, cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

9. *Nhân chứng* là người biết về các tình tiết liên quan của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

10. *Chuyên gia* là người có kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực cụ thể có liên quan đến các vấn đề trong vụ việc đang xảy ra tranh chấp, có trách nhiệm, khách quan, trung thực trong việc cung cấp ý kiến của mình trước các phiên xử của trọng tài quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối, Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan:

1. Có trách nhiệm phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế đầy đủ, hiệu quả, kịp thời theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

2. Có nghĩa vụ giữ bí mật nhà nước, bí mật thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đáp ứng yêu cầu về thời gian và nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi thông tin, tài liệu giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài nhằm phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

a) Cử người có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia Tổ công tác liên ngành giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối yêu cầu.

b) Tham gia thương lượng, hòa giải các tranh chấp đầu tư quốc tế.

c) Xây dựng và thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

d) Thu thập và cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

đ) Xử lý các nội dung liên quan đến phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

e) Thực hiện các công việc khác trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 5. Cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Việc xác định cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo các nguyên tắc thứ tự sau đây:

1. Là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được nêu tại thông báo ý định khởi kiện.

2. Trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế có các biện pháp bị kiện của nhiều cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan này phải phối hợp, thống nhất cơ quan chủ trì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện.

3. Trường hợp áp dụng các nguyên tắc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà không xác định hoặc không thống nhất được cơ quan chủ trì thì cơ quan, tổ chức nhận được thông báo ý định khởi kiện chuyển thông báo ý định khởi kiện cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được thông báo ý định khởi kiện, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì,

phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất việc lựa chọn cơ quan chủ trì. Việc xác định dựa trên nguyên tắc cơ quan chủ trì là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan nhiều nhất đến vụ việc tranh chấp và có năng lực phù hợp để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

Điều 6. Cơ quan đầu mối giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg hoặc trường hợp nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được thông báo ý định khởi kiện, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cơ quan đầu mối theo các nguyên tắc thứ tự sau đây:

a) Là cơ quan đã giải quyết hoặc chủ trì tham mưu giải quyết khiếu nại liên quan đến nội dung khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

b) Là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được giao đàm phán hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài.

c) Là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc được ủy quyền ký hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài khi tranh chấp phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận đó. Trường hợp thành lập Tổ công tác đàm phán, ký kết hợp đồng thì cơ quan đầu mối là cơ quan chủ trì đàm phán, ký kết hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài.

d) Cơ quan, tổ chức tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản pháp lý bị khởi kiện.

đ) Cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan nhiều nhất đến vụ việc tranh chấp và có năng lực phù hợp để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đồng thời khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể thì cơ quan đầu mối là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được xác định theo Điều 5 Quy chế này.

3. Cơ quan đầu mối tại Quy chế này có nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Sở Tư pháp, Tổ Công tác liên ngành (nếu có) và các cơ quan liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì được quy định tại Điều 6 Quy chế kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan:

1. Tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Tổ chức thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết với nhà đầu tư nước ngoài hoặc cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam.
3. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và với trọng tài quốc tế giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.
4. Xây dựng chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, diễn biến vụ việc, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
5. Quyết định lựa chọn, đàm phán, thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố ký kết, quản lý hợp đồng thuê tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, mời nhân chứng, thuê chuyên gia trên cơ sở đề xuất của luật sư theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Quy chế này.
6. Xử lý các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế.
7. Chỉ định trọng tài viên.
8. Tham gia đầy đủ các phiên họp, xét xử của trọng tài quốc tế theo yêu cầu.
9. Tổ chức hòa giải, thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Quy chế này.
10. Thi hành phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp của trọng tài quốc tế có hiệu lực thi hành.
11. Tạo điều kiện cho thành viên Tổ công tác liên ngành tiếp cận tài liệu, thông tin liên quan; quyết định cung cấp thông tin cho cơ quan ngôn luận, báo chí; và chịu trách nhiệm về an toàn thông tin, đảm bảo bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.
12. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định của pháp luật và trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.
13. Ban hành các quy tắc, nội quy phù hợp cho việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể trên cơ sở Quy chế này và pháp luật liên quan.
14. Ký văn bản gửi trọng tài quốc tế thông báo tổ chức hành nghề luật sư đại diện cho Việt Nam.
15. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện, tài liệu nộp cho trọng tài quốc tế và chịu trách nhiệm về nội dung các tài liệu này.
16. Xây dựng dự toán kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện pháp lý cho Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo công tác phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo nội dung Quy chế này.

2. Xây dựng, cập nhật danh sách các chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách tổ chức hành nghề luật sư có thể làm luật sư cho Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Tổ chức đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức của Thành phố về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư được thuê theo quy định của Quy chế này để phối hợp, hỗ trợ cơ quan chủ trì khi được yêu cầu đối với các công việc sau đây:

a) Tư vấn cho cơ quan chủ trì các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Thuê luật sư giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể;

c) Xây dựng, thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể;

d) Chỉ định trọng tài viên;

đ) Cử đại diện tham gia Tổ Công tác liên ngành tham gia toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp;

e) Tham gia các phiên xử của Trọng tài quốc tế;

g) Thực hiện phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Phối hợp với cơ quan chủ trì và Sở Tư pháp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo yêu cầu của cơ quan chủ trì phù hợp với khả năng chuyên môn hoặc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

2. Cung cấp hiệu quả, đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh và giải trình các nội dung liên quan theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý.

3. Cử thành viên tham gia Tổ công tác liên ngành theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và/hoặc Sở Tư pháp; trường hợp đặc biệt không thể cung cấp, phải nêu rõ lý do.

4. Giữ bí mật thông tin, tài liệu và bí mật nhà nước có được trong quá trình giải quyết tranh chấp.

5. Yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp hoặc bổ sung thông tin về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, VƯỚNG MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc, cơ quan tiếp nhận yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài và cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam. Đối với các yêu cầu liên quan đến thực hiện cam kết từ hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết là cơ quan chủ trì được xác định theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Trong trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân nhận được khiếu nại, tố cáo, vướng mắc hoặc yêu cầu liên quan đến việc thực hiện cam kết từ hợp đồng, thỏa thuận đầu tư quốc tế của nhà đầu tư nước ngoài nhưng không có thẩm quyền giải quyết, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đó phải hướng dẫn nhà đầu tư nước ngoài gửi đến cơ quan có thẩm quyền và thông báo việc này đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp trong việc giải quyết yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài

1. Trong quá trình giải quyết yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc, cơ quan chủ trì có trách nhiệm, phối hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và/hoặc chuyên gia xác minh yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài; giải quyết vụ việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Đầu tư và các cam kết tại hợp đồng hoặc thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc, cơ quan chủ trì phải báo cáo ngay nội dung vụ việc cho Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất giải pháp xử lý, phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế trong trường hợp có đủ các dấu hiệu sau:

a) Biện pháp nhà đầu tư khiếu nại, tố cáo, vướng mắc có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, hiệp định đầu tư hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Có khả năng phát sinh vụ kiện tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Trách nhiệm thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài

1. Ngay khi nhận được yêu cầu thương lượng hoặc thông báo ý định khởi

kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng phương án thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; tiến hành tiếp xúc, thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài để rút đơn kiện. Đồng thời, nắm bắt tâm lý, nguyện vọng và các căn cứ, lập luận của nhà đầu tư nước ngoài về vụ kiện.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được phương án thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án thương lượng.

3. Trong trường hợp phương án thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài được phê duyệt theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) tiến hành thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo đúng phương án đó.

Điều 13. Tiếp nhận, chuyển thông tin, tài liệu về tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này nếu nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế phải chuyển toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận ngay sau khi hoặc không trễ hơn thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đó đến cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này trong trường hợp tự xác định được cơ quan chủ trì (bản chính); trường hợp không xác định được cơ quan chủ trì thì gửi đến:

a) Sở Tư pháp (bản chính);

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (bản chụp);

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản hoặc thông báo từ nguồn khác, Sở Tư pháp phải gửi văn bản kèm theo bản sao toàn bộ hồ sơ nhận được đến cơ quan chủ trì hoặc chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 14. Thông báo về việc nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và yêu cầu cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư

nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kèm theo các thông tin, tài liệu liên quan đến Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nội dung thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Tên, quốc tịch của nhà đầu tư nước ngoài;
- b) Căn cứ khởi kiện và biện pháp bị khởi kiện;
- c) Cơ quan tài phán giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- d) Các tình tiết của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- đ) Yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài;
- e) Đánh giá sơ bộ ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- g) Tên cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được đề nghị hoặc yêu cầu phối hợp và các thông tin, chứng cứ, tài liệu cần được cung cấp để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;
- h) Các nội dung cần thiết khác cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phối hợp theo khoản 2 Điều này trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan chủ trì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh.

4. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp bổ sung thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh và cử người tham gia Tô công tác liên ngành phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp bổ sung thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh và cử người tham gia Tô công tác liên ngành theo yêu cầu của cơ quan chủ trì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vì lý do khách quan không thể đáp ứng thời hạn năm (05) ngày làm việc theo khoản 3 và khoản 4 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải thông báo lại với cơ quan chủ trì, trong đó nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành sớm nhất có thể.

Điều 15. Hòa giải

1. Trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở diễn biến cụ thể, cơ quan chủ trì phối hợp với Tô công tác liên ngành nghiên cứu, đánh giá khả năng và xây dựng phương án hòa giải, phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Phương án hòa giải đảm bảo giải quyết dứt điểm tranh chấp đầu tư quốc tế, quyền và lợi ích của Việt Nam và phù hợp với diễn biến thực tế của quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được phương án hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo phê duyệt phương án hòa giải.

4. Trong trường hợp phương án hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài được phê duyệt theo khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) tiến hành hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài theo đúng phương án đó.

Điều 16. Xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Ngay khi nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì khẩn trương phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng bản đánh giá ban đầu về vụ việc và đề xuất phương án giải quyết.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện chính thức của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung sau:

a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đối với vụ việc và quá trình tiếp xúc, giải quyết ban đầu (nếu có), nguyên nhân xảy ra tranh chấp;

b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam và của nhà đầu tư nước ngoài;

c) Quy trình tố tụng cụ thể (bao gồm các mốc thời gian theo yêu cầu tố tụng) đối với vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và nhiệm vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong từng bước của quy trình tố tụng này;

d) Việc sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên; thành lập Tổ công tác liên ngành;

đ) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có phương án thương lượng, hòa giải, tiếp xúc với nhà đầu tư nước ngoài;

e) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo phê duyệt chiến lược này và gửi cơ quan chủ trì,

Sở Tư pháp để triển khai thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, nếu cần thiết, cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập) sửa đổi, bổ sung chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cho phù hợp với tình hình thực tiễn, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Nội dung trình phải nêu rõ lý do điều chỉnh, nội dung điều chỉnh và các hậu quả pháp lý liên quan đến việc thay đổi này.

5. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được lưu hành, quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 17. Về phối hợp cung cấp tài liệu cho trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu có), cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) thu thập các tài liệu trên cơ sở yêu cầu cung cấp tài liệu của trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu có) quyết định các văn bản mà phía Việt Nam có thể cung cấp, các văn bản không cung cấp.

Điều 18. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế không chậm hơn thời gian theo quy trình tố tụng giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, bản kháng kiện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì trừ khi cơ quan chủ trì có yêu cầu thời hạn trả lời khác để đảm bảo thời hạn tố tụng.

3. Khi nộp các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản cho hội đồng trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi một bản sao đến Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp, Tổ công tác liên ngành của Thành phố.

4. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về nội dung của các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế giải quyết vụ việc. Nội dung bản tự bảo vệ, bản kháng biện phải bám sát chiến lược giải quyết vụ việc đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 19. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) chuẩn bị nội dung tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế theo thông báo và quy trình tố tụng.

2. Tùy theo tính chất vụ việc, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành phần tham gia phiên xét xử.

Điều 20. Xử lý các vấn đề liên quan sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên xét xử tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về diễn biến phiên xét xử.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các vấn đề phát sinh sau phiên xét xử; sau phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

3. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố (hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam) phải bồi thường cho nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố phương án chi trả, đảm bảo thực hiện đúng phán quyết, quyết định và quy định của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 21. Công nhận và thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế

Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và luật sư (nếu có) thực hiện việc công nhận và thi hành tại Việt Nam hoặc nước ngoài phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế trong trường hợp việc công nhận và thi hành có lợi cho Việt Nam.

Điều 22. Quy định về chế độ bảo mật thông tin

Toàn bộ nội dung chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm quá trình giải quyết khiếu nại, tham vấn, đối thoại, hòa giải và giải quyết tại trọng tài quốc tế được lưu hành và bảo quản theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hoặc các thỏa thuận bảo mật thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì đối các cá nhân và tổ chức có liên quan đến toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc.

Chương IV

TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH THAM GIA GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 23. Thành lập, giải thể Tổ công tác liên ngành

1. Tùy theo tính chất của vụ việc, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu việc thành lập Tổ công tác liên ngành trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Tổ công tác liên ngành được thành lập khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được khởi kiện ra trọng tài quốc tế. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác liên ngành có thể được thành lập sau khi cơ quan chủ trì nhận được thông báo ý

định khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành, cơ quan chủ trì xây dựng chương trình, thời gian làm việc cụ thể của Tổ công tác liên ngành.

3. Thành viên Tổ công tác liên ngành gồm đại diện của cơ quan chủ trì, Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là Thủ trưởng cơ quan chủ trì.

Trong trường hợp cơ quan chủ trì được xác định theo Điều 5 Quy chế này, Tổ phó Tổ công tác liên ngành do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành.

4. Tổ công tác liên ngành tự giải thể và chấm dứt hoạt động sau khi vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác liên ngành

1. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tư vấn cho cơ quan chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Tham gia các buổi tham vấn, thương lượng, hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài;

c) Góp ý xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc, góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, bản kháng biện, tài liệu nộp trọng tài quốc tế trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì;

d) Phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài quốc tế khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

đ) Các nhiệm vụ, công việc cụ thể khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tổ công tác liên ngành có trách nhiệm thực hiện theo Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của Điều 15 Quy chế này.

3. Thành viên Tổ công tác liên ngành có ý kiến về các vấn đề theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên.

Thành viên Tổ công tác liên ngành báo cáo xin ý kiến lãnh đạo của cơ quan mình về những nội dung liên quan đến lĩnh vực do cơ quan mình quản lý. Ý kiến của thành viên Tổ công tác liên ngành là ý kiến chính thức của cơ quan cử thành viên đó.

4. Thành viên Tổ công tác liên ngành có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu ý kiến đó khác với ý kiến của Tổ công tác liên ngành hoặc của cơ quan chủ trì.

Điều 25. Chế độ làm việc của Tổ công tác liên ngành

1. Thành viên Tổ công tác liên ngành hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Thành viên Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành và có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Tổ công tác liên ngành. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành quyết định việc luật sư tham gia các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.
3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm bố trí một bộ phận giúp việc cho Tổ Công tác liên ngành để thực hiện các công việc hành chính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

Chương V

THUÊ LUẬT SƯ TƯ VẤN, CHUYÊN GIA VÀ MỜI NHÂN CHỨNG PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 26. Thuê luật sư tư vấn, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tùy theo tính chất phức tạp của từng vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành thực hiện quy trình lựa chọn, thuê luật sư theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan.
2. Cơ quan chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả đàm phán hợp đồng dịch vụ pháp lý trước khi ký.
3. Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành kiểm soát việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với luật sư.

Điều 27. Nhân chứng

1. Tùy theo yêu cầu của vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, theo tư vấn của luật sư (nếu có), cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mời nhân chứng phục vụ quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.
2. Việc chi trả các chi phí cho nhân chứng, bao gồm chi phí ăn ở, đi lại và chi bù đắp tổn thất về ngày công lao động cho nhân chứng được thực hiện theo quy định tại Chương VI Quy chế này.

Điều 28. Thuê chuyên gia

1. Tùy theo yêu cầu của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định việc thuê chuyên gia phục vụ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, đảm bảo việc lựa chọn hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về thời gian tố tụng.
2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm quản lý công việc của chuyên gia trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận giữa cơ quan chủ trì và chuyên gia.
3. Chuyên gia chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp các tài

liệu, chứng cứ, ý kiến chuyên môn trong trường hợp có căn cứ cho thấy các tài liệu, chứng cứ, ý kiến chuyên môn của chuyên gia đã sai lệch dẫn đến vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

Chương VI

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 29. Kinh phí phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh được ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác đảm bảo.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự toán kinh phí của cơ quan chủ trì, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, rà soát kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và phối hợp với cơ quan chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá mười (10) ngày làm việc.

3. Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, khi cần thiết, cơ quan chủ trì có quyền chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên cấp cho cơ quan mình để phục vụ các hoạt động giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và sau đó được cấp bù theo dự toán kinh phí được phê duyệt theo khoản 2 Điều này.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 30. Chi phí phát sinh từ việc tham gia của các cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Chi phí phát sinh từ việc thực hiện các hoạt động khác trong phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được cấp cho cơ quan chủ trì, Sở Tư pháp theo từng vụ việc cụ thể (bao gồm cả chi phí phục vụ hoạt động của Tổ công tác liên ngành) và được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Chi phí làm đêm, làm thêm giờ cho cán bộ thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách về giải quyết tranh chấp và các chi phí khác nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động giải quyết tranh chấp gồm chi phí cho việc tra cứu dữ liệu pháp luật quốc tế và trong nước, chi phí nâng cao năng lực hàng năm được cấp trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì và Sở Tư pháp.

3. Trong trường hợp đặc biệt, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định kinh phí phục vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 31. Kinh phí thực hiện thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế

Căn cứ vào phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan nhà nước liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, cấp kinh phí chi trả bồi thường theo quy định của thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế từ ngân sách thành phố trong trường hợp biện pháp bị kiện là của cơ quan nhà nước ở Thành phố.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Tổng kết, đánh giá việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, rút kinh nghiệm, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật, trái cam kết quốc tế dẫn đến tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Sau khi giải quyết xong vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá việc giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, họp kiểm điểm, rút ra bài học kinh nghiệm và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Việc xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã thực hiện hành vi trái pháp luật Việt Nam, trái cam kết quốc tế của Việt Nam dẫn đến tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam.

3. Việc xác định trách nhiệm của cá nhân đã ký hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài trái pháp luật Việt Nam, gây ra tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 33. Khen thưởng

Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Quy chế này; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định khen thưởng trên cơ sở kết quả việc giải quyết tranh chấp.

Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 34. Đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế

Sở Tư pháp có trách nhiệm:

1. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;
2. Tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hướng giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế.

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách

nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này và gửi báo cáo về Sở Tư pháp khi được yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp và các Sở, ngành liên quan thường xuyên rà soát, báo cáo tình hình khiếu nại, giải quyết khiếu nại với nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời có nhận định, đánh giá về khả năng phát sinh tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài tại trọng tài quốc tế.

3. Thủ trưởng các Ban quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thường xuyên, đột xuất báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời có nhận định, đánh giá khả năng phát sinh tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này, đồng thời, sao gửi Sở Tư pháp./.